**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*……., ngày ${DAY} tháng ${MONTH} năm ${YEAR}*

**TỜ KHAI**

**Đăng ký an toàn, hồ chứa nước**

**1. Tên đập, hồ chứa nước: ${RESERVOIR\_NAME}**

**2. Địa điểm xây dựng thuộc: ${ADDRESS}**

**3. Nhiệm vụ chính:**Cấp nước tưới □ Phát điện □ Cắt, giảm lũ □

Cấp nước sinh hoạt □ Cấp nước cho công nghiệp □

**4. Thời gian xây dựng:** **${BULDING\_YEAR}**

**5. Kinh phí xây dựng: ${BULDING\_COST}**

**6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng:** ...........................................................................................

**7. Tên chủ sở hữu đập: ${OWNER\_NAME}**

Địa chỉ: .................................................................................................................................

Điện thoại: ……………………………………………Fax: ...........................................................

Email: ...................................................................................................................................

Website: ...............................................................................................................................

**8. Tổ chức, cá nhân khai thác đập**: **${MANAGER\_NAME}**

Địa chỉ: .............

Điện thoại: ………………………………………Fax: .................................................................

Email: ...................................................................................................................................

**9. Hồ chứa:**

9.1. Cấp công trình: ${CONSTRUCTION\_LEVEL}

9.2. Vị trí (xã, huyện, tỉnh): ${ADDRESS}

9.3. Diện tích lưu vực (Km2): ${MAIN\_AREA}

9.4. Dung tích ứng với MNDBT (106m3): ${MNDBT\_CAPCITY}

9.5. Dung tích hữu ích (106m3): ${USEFUL\_CAPCITY}

9.6. Dung tích chết (106m3): ${DEADLY\_CAPCITY}

9.7. Dung tích phòng lũ (106m3): ${FLOOD\_PROTECTION\_CAPCITY}

9.8. Mực nước lũ thiết kế (m): ${DESIGNED\_FLOOD\_LEVEL}

9.9. Mực nước lũ kiểm tra (m): ${CHECKED\_FLOOD\_LEVEL}

9.10. Mực nước dâng bình thường (m): ${NOMAL\_RISING\_LEVEL}

9.11. Mực nước chết (m): ${DEADLY\_LEVEL}

9.12. Mực nước lớn nhất đã xảy ra (m): ${HIGHEST\_OCCURRED\_LEVEL}

9.13. Mực nước thấp nhất (m): ${LOWEST\_LEVEL}

**10. Đập chính:**

${MAIN\_DAM\_BLOCK}

10.${INDEX} Đập chính ${NAME}:

- Chiều dài đỉnh đập (m): ${DAM\_CREST\_LENGTH}

- Chiều cao lớn nhất (m): ${MAX\_HEIGHT}

- Cao trình đỉnh đập (m): ${DAM\_CREST\_ELEVATION}

- Cao trình đỉnh tường chắn sóng (m): ${SEAWALL\_TOP\_ELEVATION}

- Loại đập: ${TYPE}

- Tình trạng chất lượng: Bình thường ${NORMAL\_CHECK\_BOX} Hư hỏng ${ABNORMAL\_CHECK\_BOX}

- Mô tả hư hỏng (nếu có): ${DESCRIPTION}

${/MAIN\_DAM\_BLOCK}

**11. Các đập phụ**

${SUB\_DAM\_BLOCK}

11.${INDEX} Đập phụ ${NAME}:

- Chiều dài (m): ${LENGTH}

- Chiều cao (m): ${HEIGHT}

- Tình trạng chất lượng: Bình thường ${NORMAL\_CHECK\_BOX} Hư hỏng ${ABNORMAL\_CHECK\_BOX}

- Mô tả hư hỏng (nếu có): ${DESCRIPTION}

${/SUB\_DAM\_BLOCK}

**12. Các cống lấy nước**

${SEWER\_BLOCK}

11.${INDEX} ${NAME}:

- Chiều dài (m): ${LENGTH}

- Tình trạng chất lượng: Bình thường ${NORMAL\_CHECK\_BOX} Hư hỏng ${ABNORMAL\_CHECK\_BOX}

- Mô tả hư hỏng (nếu có): ${DESCRIPTION}

${/SEWER\_BLOCK}

**13. Tràn xả lũ**

${SPILLWAY\_BLOCK}

11.${INDEX} ${NAME}:

- Chiều rộng tràn (m): ${WIDTH}

- Tình trạng chất lượng: Bình thường ${NORMAL\_CHECK\_BOX} Hư hỏng ${ABNORMAL\_CHECK\_BOX}

- Mô tả hư hỏng (nếu có): ${DESCRIPTION}

${/SPILLWAY\_BLOCK}

**14. Công trình tháo nước khác**

${DRAINAGE\_BLOCK}

11.${INDEX} ${NAME}:

- Chiều dài (m): ${LENGTH}

- Tình trạng chất lượng: Bình thường ${NORMAL\_CHECK\_BOX} Hư hỏng ${ABNORMAL\_CHECK\_BOX}

- Mô tả hư hỏng (nếu có): ${DESCRIPTION}

${/DRAINAGE\_BLOCK}

**15. Đường quản lý:**Có ${HAS\_STREET\_CHECK\_BOX\_1} không có ${HAS\_STREET\_CHECK\_BOX\_2}

15.1. Chiều dài: …………………. (m)

15.2. Mặt đường: Đất □ Cấp phối □ Nhựa, bê tông □

15.3. Chất lượng đường: Tốt □ Xấu□ Bình thường □

**16. Các loại quan trắc:** Có ${HAS\_MONITOR\_CHECK\_BOX\_1} không có ${HAS\_MONITOR\_CHECK\_BOX\_2}

16.1. Quan trắc công trình

Quan trắc thấm □ Quan trắc chuyển vị □ Ứng suất □

16.2. Quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng

Đo mưa Tự động □ Thủ công □

Số lượng trạm: .....................................................................................................................

Mô tả hiện trạng: ...................................................................................................................

Đo mực nước: Tự động □ Thủ công □

Số lượng trạm: .....................................................................................................................

Mô tả hiện trạng: ...................................................................................................................

**17. Hệ thống giám sát vận hành**

Bình thường ${HAS\_OPERATING\_SYS\_CHECK\_BOX\_1} Hư hỏng ${HAS\_OPERATING\_SYS\_CHECK\_BOX\_2}

Mô tả hiện trạng: ${OPERATING\_SYS\_DESCRIPTION}

**18. Cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước**

Có ${HAS\_DATABASE\_CHECK\_BOX\_1} không có ${HAS\_DATABASE\_CHECK\_BOX\_2}

Mô tả hiện trạng: ...................................................................................................................

**19. Quy trình vận hành**Có ${HAS\_OPERATING\_PROCEDURE\_CHECK\_BOX\_1} không có ${HAS\_OPERATING\_PROCEDURE\_CHECK\_BOX\_2}

19.1. Năm phê duyệt:

19.2. Năm điều chỉnh:

**28. Quá trình quản lý khai thác**

Tóm tắt các sự cố lớn, nội dung sửa chữa nâng cấp đã được thực hiện, năm thực hiện.

**29. Đánh giá chung về an toàn đập**

29.1. Đánh giá chung

29.2. Đề nghị

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Ngày ${DAY} tháng ${MONTH} năm ${YEAR}* (Tổ chức, cá nhân khai khác đập ký tên, đóng dấu) |